

Số: 139/2015/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích
phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản,
xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định
số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg;

Sau khi xem xét Tờ trình số 289/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Quy định mức hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định mức hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ (có Quy định cụ thể kèm theo).

Các quy định khác thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVI, Kỳ họp thứ 14 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm T.Tin VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh; 
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự

QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác,
liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo
Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND
ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định mức hỗ trợ một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước nhằm khuyến khích liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh.

- Trường hợp trong cùng một thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng hưởng thụ được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

2. Đối tượng áp dụng

- Các doanh nghiệp trong nước có hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ gia đình, cá nhân, trang trại (sau đây gọi chung là nông dân).

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với doanh nghiệp hoặc nông dân.

- Nông dân tham gia hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân.

Điều 2. Tiêu chí cánh đồng lớn

1. Tiêu chí bắt buộc

a) Phù hợp với quy hoạch của địa phương về: Phát triển kinh tế - xã hội; sử dụng đất; tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp; nông thôn mới và các quy hoạch khác.

b) Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất được thống nhất giữa các bên tham gia liên kết, phù hợp với loại cây trồng và đảm bảo phát triển bền vững.

c) Có ít nhất một trong các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng sau đây:

- Liên kết giữa doanh nghiệp tiêu thụ - doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân;

- Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân;

- Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân;

- Liên kết sản xuất giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân.

d) Quy mô diện tích tối thiểu Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn.

- Sản xuất lúa gạo thương phẩm: 50ha, sản xuất lúa giống: 05ha;

- Sản xuất lạc thương phẩm: 20ha, sản xuất lạc giống: 03ha;

- Sản xuất rau, củ, quả: 05ha;

- Sản xuất ngô: 20ha;

- Sản xuất chè công nghiệp: 03ha;

- Sản xuất cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch: 02ha.

(Diện tích Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn phải tập trung, liên vùng, liên thửa).

2. Tiêu chí khuyến khích

a) Có hạ tầng kinh tế như hệ thống giao thông nội đồng, điện, thủy lợi, hệ thống tưới tiêu hiện đại và những công trình phục vụ sản xuất khác đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và từng bước cải thiện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung.

b) Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ tiên tiến, hướng tới sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, VietGAP... và có cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến nông sản gần nơi sản xuất.

Điều 3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

1. Nguyên tắc hỗ trợ

Mức hỗ trợ cho Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn theo quy mô diện tích tối thiểu quy định tại Điều 2 được xác định bằng tỷ lệ (%) nhân với (x) kinh phí tổ chức thực hiện hoặc giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu, thanh quyết toán (đối với hạ tầng); trường hợp thực tế doanh nghiệp thực hiện với quy mô lớn hơn diện tích tối thiểu thì được hưởng theo tỷ lệ quy mô diện tích thực hiện/quy mô diện tích tối thiểu.

2. Đối với doanh nghiệp

a) Nội dung, mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 50% kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng, bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, tổ chức lớp học; mức chi tiền ăn và tiền đi lại: Áp dụng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 183/2010/TTLT/BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

- Hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, điện, thủy lợi nội đồng, hệ thống tưới tiêu hiện đại phục vụ sản xuất nông nghiệp trong dự án cánh đồng lớn; mức hỗ trợ đối với quy mô diện tích tối thiểu (quy định tại Điều 2) theo tỷ lệ cho từng loại nông sản nhưng không quá mức tối đa như sau:

TT	Sản phẩm/nội dung hỗ trợ	Hỗ trợ từ NSNN	
		Mức hỗ trợ (%)	Mức hỗ trợ tối đa (triệu đồng)
1	Sản xuất rau, củ, quả (5 ha)	30%	650
2	Sản xuất lúa		2.000
a	Đối với lúa thương phẩm (50 ha)	20%	1.450
b	Đối với sản xuất lúa giống (5 ha)	30%	550
3	Sản xuất lạc		800
a	Đối với lạc thương phẩm (20 ha)	20%	400
b	Đối với lạc giống (3 ha)	30%	400
4	Sản xuất cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch (2 ha)	20%	130
5	Sản xuất chè công nghiệp (3 ha)	20%	160
6	Sản xuất ngô (20 ha)	20%	750

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ:

- Doanh nghiệp phải có hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân.

- Có vùng nguyên liệu đảm bảo ít nhất 50% nhu cầu nguyên liệu và có hệ thống sấy, kho chứa, cơ sở chế biến bảo đảm yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo hợp đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đối với tổ chức đại diện của nông dân (hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

a) Nội dung, mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất theo hợp đồng, bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan; mức chi tiền ăn và tiền đi lại: Áp dụng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 183/2010/TTLT/BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

- Hỗ trợ 30% trong năm đầu và 20% năm thứ hai chi phí thực tế về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên.

- Hỗ trợ một lần 50% kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất, bao gồm chi phí về ăn, ở, mua tài liệu, học phí theo quy định của cơ sở đào tạo.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ:

- Có hợp đồng và thực hiện cung ứng đầu vào cho sản xuất hoặc tổ chức sản xuất hoặc tiêu thụ nông sản cho các hộ thành viên và nông dân trên địa bàn.

- Có kế hoạch (hoặc phương án) thực hiện nội dung được hỗ trợ quy định tại Điểm a, Khoản này và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Đối với nông dân

a) Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ một lần 30% chi phí mua giống cây trồng có phẩm cấp chất lượng từ giống xác nhận trở lên để gieo trồng vụ đầu tiên trong dự án cánh đồng lớn.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ:

Hộ nông dân cam kết thực hiện sản xuất và bán nông sản theo đúng hợp đồng đã ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

CHƯƠNG II TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

1. Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Phê duyệt quy hoạch, kế hoạch triển khai cánh đồng lớn đảm bảo có hiệu quả và thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và nông dân.

b) Ban hành Quyết định để triển khai thực hiện; quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện việc hỗ trợ; rà soát, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp với nội dung Nghị quyết này.

c) Lập kế hoạch dự toán nguồn kinh phí và cơ chế phân bổ từ các cấp ngân sách để thực hiện chính sách, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

d) Kiểm tra việc thực hiện chính sách; phát hiện và đề xuất những chính sách cần sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

đ) Chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã cân đối, bố trí các nguồn vốn từ ngân sách theo kế hoạch hàng năm để các chính sách được tổ chức thực hiện đầy đủ, có hiệu quả.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

a) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân theo Quy định này, đảm bảo các chính sách được thực hiện đúng phạm vi, đối tượng và hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế xã hội theo đúng mục tiêu kế hoạch đề ra.

b) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân theo quy định hiện hành. Đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh được nhà nước hỗ trợ kinh phí

Tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.



CHỦ TỊCH

Võ Kim Cự